

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 48



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc bổ sung, cập nhật thông tin Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 7300 6826
- Fax : 028 3535 5423
- Địa chỉ giao dịch : 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Huy Vũ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đặng Phúc

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

5-06
IÁNI
TY
A HỮ
VÀ TI
C
NỘ
TP.

Số: 2.0218/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2024

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.413.887.698.237	760.298.547.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	547.850.692.923	153.887.945.943
1. Tiền	111		379.650.692.923	143.887.945.943
2. Các khoản tương đương tiền	112		168.200.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.500.000.000	9.862.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	2.500.000.000	9.862.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		537.021.752.350	450.214.166.007
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	501.543.185.710	418.381.739.320
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29.794.950.653	9.638.735.629
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	3.012.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	30.143.809.161	39.696.418.386
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(24.460.193.174)	(20.514.727.328)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		255.528.304.908	104.226.772.015
1. Hàng tồn kho	141	V.8	255.528.304.908	104.226.772.015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.986.948.056	42.107.663.322
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	12.384.683.648	7.591.586.794
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.585.140.635	33.239.363.344
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		17.123.773	1.276.713.184
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.118.422.236.897	1.664.608.826.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.406.599.478	15.461.072.026
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	19.000.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	66.406.599.478	15.461.072.026
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.732.390.769.620	1.133.410.170.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.513.170.402.441	1.131.332.874.076
<i>Nguyên giá</i>	222		3.365.444.469.965	2.782.197.383.406
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.852.274.067.524)	(1.650.864.509.330)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	1.186.870.446	1.598.179.878
<i>Nguyên giá</i>	225		2.219.704.000	2.219.704.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.032.833.554)	(621.524.122)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	218.033.496.733	479.117.004
<i>Nguyên giá</i>	228		219.290.529.186	1.476.044.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.257.032.453)	(996.926.996)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	6.698.148.143	244.483.100.974
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.698.148.143	244.483.100.974
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	163.465.467.699	160.279.005.061
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		163.465.467.699	160.279.005.061
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		130.461.251.957	110.975.477.423
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	128.194.219.840	108.456.552.848
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	2.267.032.117	2.518.924.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.532.309.935.134	2.424.907.373.729

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.391.221.034.909	1.397.954.824.959
I. Nợ ngắn hạn	310		1.397.589.887.555	685.001.367.775
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	233.422.112.424	219.024.895.360
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	453.375.206.272	15.066.922.604
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	41.539.295.810	23.644.609.416
4. Phải trả người lao động	314		23.395.341.010	18.383.272.731
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	65.687.053.225	43.727.331.644
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	99.361.222.597	5.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	68.202.761.490	55.343.712.558
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	401.923.107.426	296.239.981.023
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	10.683.787.301	13.565.642.439
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		993.631.147.354	712.953.457.184
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	99.361.222.597	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	150.000.000	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	894.119.924.757	712.929.757.184
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.141.088.900.225	1.026.952.548.770
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.141.088.900.225	1.026.952.548.770
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		293.738.095.119	249.381.338.937
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.231.484.678	27.145.979.951
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		252.641.389.090	233.202.153.248
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.590.167.093	233.202.153.248
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		148.051.221.997	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		257.479.071.338	207.224.216.634
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.532.309.935.134	2.424.907.373.729

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiên

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.580.591.704.250	1.490.564.467.082
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	53.700.236	739.577.130
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.580.538.004.014	1.489.824.889.952
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.145.942.905.032	1.164.946.750.008
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		434.595.098.982	324.878.139.944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.691.174.746	12.013.599.353
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	102.234.770.111	79.300.816.662
Trong đó: chi phí lãi vay	23		97.365.561.035	73.038.538.640
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	10.216.889.249	6.710.162.495
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	16.201.747.249	24.471.018.073
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	105.258.809.664	92.753.512.777
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		235.807.835.953	147.076.554.280
12. Thu nhập khác	31	VI.8	5.966.892.389	35.268.888.082
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.126.102.817	1.873.236.725
14. Lợi nhuận khác	40		4.840.789.572	33.395.651.357
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		240.648.625.525	180.472.205.637
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	39.976.430.863	18.681.607.658
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V.23	200.672.194.662	161.790.597.979
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.23	163.080.651.133	135.628.967.335
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		37.591.543.529	26.161.630.644
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4.512	3.704
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	4.512	3.704

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiến



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	240.648.625.525	180.472.205.637
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10-12	203.030.111.341	200.766.280.247
- Các khoản dự phòng	03 VI.6	3.945.465.846	2.676.215.281
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3,4	822.105.513	(256.953.127)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.481.405.088)	(60.641.284.106)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	97.365.561.035	73.038.538.640
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	539.330.464.172	396.055.002.572
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(167.856.672.761)	6.654.700.665
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(151.301.532.893)	(54.143.816.031)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	654.605.236.588	14.122.687.663
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(24.530.763.846)	(55.516.366.058)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(91.821.303.949)	(76.150.671.823)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.17	(15.793.083.091)	(20.468.015.857)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.22	(23.341.137.356)	(22.493.264.115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	719.291.206.864	188.060.257.016
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(559.412.345.842)	(490.080.841.933)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	90.909.091	41.872.383.151
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.000.000.000)	(9.862.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.374.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(10.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.136.213.300
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.356.209.832	1.249.818.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(562.591.226.919)	(459.184.427.178)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		20.000.000.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	951.511.071.329		726.643.628.501	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(664.300.404.949)		(503.943.120.085)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(337.372.404)		(648.350.594)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(49.599.717.500)		(42.877.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		237.273.576.476		199.175.157.822	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		393.973.556.421		(71.949.012.340)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	153.887.945.943		226.306.248.566	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.809.441)		(469.290.283)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	547.850.692.923		153.887.945.943	

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu với tỷ lệ góp vốn là 51% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu là để mở rộng quy mô và ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động xây dựng dân dụng khác: nạo vét luồng lạch; Thi công nền móng bằng phương pháp khoan cọc nhồi. Trục vót, nạo vét công trình thủy.	51,00%	60,00%	51,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	808 Lê Hồng Phong, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Hoạt động cung cấp kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100%	-	100%	-
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái ⁽ⁱ⁾	Số 25 Đường 4B Tổ 7 Khu phố 2, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	28,42%	28,42%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Anh (ii)	10/256 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét sông ngòi, đường biển	51,00%	64,09%	100%	100%

(i) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

(ii) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng.

5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	31%	31%	31%	31%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	45%	45%	45%	45%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam)	Số 19-20 Khu đô thị Núi Long, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	35%	35%	35%	35%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 853 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 627 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.684.117.085	5.083.236.847
Tiền gửi ngân hàng	377.616.575.838	118.804.709.096
Tiền đang chuyển	350.000.000	20.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	168.200.000.000	10.000.000.000
Cộng	547.850.692.923	153.887.945.943

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 7.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.21a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	6.727.299.974	127.976.669.974	121.249.370.000	5.217.917.117	126.467.287.117
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.275.000.000	2.551.562.717	24.826.562.717	22.275.000.000	1.067.000.361	23.342.000.361
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	10.500.000.000	162.235.008	10.662.235.008	10.500.000.000	(30.282.417)	10.469.717.583
Cộng	156.024.370.000	7.441.097.699	163.465.467.699	156.024.370.000	4.254.635.061	160.279.005.061

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270	31,00%	3.911.270	31,00%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	200.000	20,00%	200.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	2.025.000	45,00%	2.025.000	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	1.050.000	35,00%	1.050.000	35,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	126.467.287.117	23.342.000.361	10.469.717.583	160.279.005.061
Phát sinh trong năm	8.539.809.468	1.484.562.356	192.517.425	10.216.889.249
Lãi trong năm	9.321.009.468	1.810.435.481	192.517.425	11.323.962.374
Công ty liên kết trích quỹ	(781.200.000)	(325.873.125)	-	(1.107.073.125)
Công ty liên kết chia cổ tức trong năm	(7.030.426.611)	-	-	(7.030.426.611)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	127.976.669.974	24.826.562.717	10.662.235.008	163.465.467.699

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ		
Công ty liên kết chia cổ tức	7.030.426.611	8.136.213.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.523.127	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry		
Doanh thu phí vận chuyên	65.802.408	-
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	14.264.520.969	3.896.243.100

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	75.470.820.252	148.170.082.997
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	39.899.728.476	115.868.510.530
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	11.630.000	10.872.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	12.441.600	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	-	449.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	13.176.540.000	13.154.400.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	255.504.731	14.727.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	8.327.801	8.327.801
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	347.831.000	408.195.212
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.428.874.668	1.574.249.298
Công ty Cổ phần Vận tải bộ Tân Cảng	12.641.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	55.112.400	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	20.262.188.576	16.681.800.883
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	426.072.365.458	270.211.656.323
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	81.238.359.937	22.713.551.441
Aussie Offshore Services Limited	11.824.072.714	1.973.038.810
Jungwon Maritime Pte. Ltd	21.680.737.947	21.680.737.947
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)	7.662.918.634	13.883.420.945
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng lượng Biển	16.188.320.616	12.221.720.616
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	10.904.108.113	25.756.224.458
Marin East Company Limited	13.655.711.894	16.691.330.000
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	15.400.062.039	13.763.313.898
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacinco	46.227.585.000	-
Các khách hàng khác	201.290.488.564	141.528.318.208
Cộng	<u>501.543.185.710</u>	<u>418.381.739.320</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vận tải Quang Hải	20.000.000.000	-
Kawasaki Trading Co., Ltd	861.064.110	-
Ben Line Agencies (h.k.) Ltd	843.870.143	-
Công ty Luật TNHH Unilaw	500.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Cao su 75	-	1.840.320.000
Các nhà cung cấp khác	7.590.016.400	7.798.415.629
Cộng	<u>29.794.950.653</u>	<u>9.638.735.629</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	-	3.000.000.000
Phải thu về cho cá nhân vay	-	12.000.000
Cộng	-	3.012.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry vay theo hợp đồng số 04/2022/HĐVT/TCO-TCGT ngày 18 tháng 11 năm 2022, bổ sung bởi phụ lục 01-2023/PLHĐVT/TCO-TCGT ngày 10 tháng 04 năm 2023. Giá trị hợp đồng là 19.000.000.000VNĐ với thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Lãi suất vay cố định 9%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.168.933.231	-	19.591.040.274	-
Công Ty Cổ Phần Tân Cảng	1.138.191.781	-	23.671.233	-
Gantry Lãi vay phải thu	-	-	240.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	13.030.741.450	-	19.327.369.041	-
- Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh thu hồi dần hàng năm	7.393.677.135	-	13.575.622.516	-
- Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	5.637.064.315	-	5.751.746.525	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.974.875.930	-	20.105.378.112	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa đủ điều kiện khấu trừ	-	-	3.964.835.246	-
Thuế GTGT chưa kê khai	131.992.202	-	1.514.499.110	-
Dự thu lãi tiền gửi	79.600.274	-	159.834.657	-
Ký cược, ký quỹ	3.162.710.820	-	3.982.025.923	-
Tạm ứng	8.006.838.766	-	9.988.401.816	-
Các khoản thu chi hộ	4.115.152.757	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	478.581.111	-	495.781.360	-
Cộng	30.143.809.161	-	39.696.418.386	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.546.925.026	-	7.546.925.026	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	7.546.925.026	-	7.546.925.026	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	58.859.674.452	-	7.914.147.000	-
Ký cược, ký quỹ	7.959.147.000	-	7.914.147.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành – ký quỹ mở L/C	50.800.527.452	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	100.000.000	-	-	-
Cộng	66.406.599.478	-	15.461.072.026	-

(i) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 146.298.243.128 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 73.149.121.564 VND. Vốn góp được thu hồi dần hàng năm, thông qua khấu hao tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Một Thành Viên Linh Ngọc Ngân	> 3 năm	1.245.653.127	(1.245.653.127)	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)
Jungwon Marine PTE LTD	> 3 năm	21.267.976.405	(21.267.976.405)	Từ 2 - 3 năm	21.267.976.405	(14.887.583.484)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Long Phú Hải	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.341.062.049	(670.531.025)		-	-
Bệnh viện 30-4	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.087.820.000	(1.043.910.000)		-	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Catering	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	206.775.216	(144.742.651)		-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		249.950.215	(87.379.966)		-	-
Cộng		26.399.237.012	(24.460.193.174)		27.686.533.693	(20.514.727.328)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	20.514.727.328	17.838.512.047
Trích lập dự phòng bổ sung	3.945.465.846	4.679.615.281
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.003.400.000)
Số cuối năm	<u>24.460.193.174</u>	<u>20.514.727.328</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.456.664.707	14.568.985.727
Công cụ dụng cụ	28.022.765	38.751.283
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	250.415.610.144	85.477.312.302
Thành phẩm	64.239.425	37.398.076
Hàng hóa	2.563.767.867	4.104.324.627
Cộng	<u>255.528.304.908</u>	<u>104.226.772.015</u>

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	7.809.873.274	4.904.931.130
Chi phí sửa chữa tài sản	1.535.141.815	907.228.097
Chi phí công cụ dụng cụ	2.247.550.761	419.261.994
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	792.117.798	1.360.165.573
Cộng	<u>12.384.683.648</u>	<u>7.591.586.794</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	30.282.336.578	37.218.916.183
Chi phí sửa chữa, bồi dưỡng tàu và tài sản khác	26.966.470.137	31.704.188.993
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	65.936.836.641	30.881.159.490
Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	1.957.649.400	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.050.927.084	8.652.288.182
Cộng	<u>128.194.219.840</u>	<u>108.456.552.848</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	446.107.021.574	1.139.174.172.290	1.194.389.870.822	1.298.098.465	1.228.220.255	2.782.197.383.406
Mua trong năm	112.940.000	4.979.340.056	670.072.222	212.636.364	-	5.974.988.642
Đầu tư XDCB hoàn thành	63.678.775.785	-	514.290.567.932	-	-	577.969.343.717
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(697.245.800)	-	-	(697.245.800)
Số cuối năm	509.898.737.359	1.144.153.512.346	1.708.653.265.176	1.510.734.829	1.228.220.255	3.365.444.469.965
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	416.207.514.510	562.196.741.698	10.710.473.069	973.591.274	1.198.220.255	991.286.540.806
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	416.531.032.871	900.457.184.922	331.519.565.059	1.157.242.586	1.199.483.892	1.650.864.509.330
Khấu hao trong năm	10.212.693.447	72.295.546.104	119.468.149.561	112.182.551	18.232.331	202.106.803.994
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(697.245.800)	-	-	(697.245.800)
Số cuối năm	426.743.726.318	972.752.731.026	450.290.468.820	1.269.425.137	1.217.716.223	1.852.274.067.524
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	29.575.988.703	238.716.987.368	862.870.305.763	140.855.879	28.736.363	1.131.332.874.076
Số cuối năm	83.155.011.041	171.400.781.320	1.258.362.796.356	241.309.692	10.504.032	1.513.170.402.441

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.243.724.683.384 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.219.704.000	(621.524.122)	1.598.179.878
Khấu hao trong năm	-	(411.309.432)	(411.309.432)
Số cuối năm	2.219.704.000	(1.032.833.554)	1.186.870.446

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	1.476.044.000	1.476.044.000
Mua trong năm	217.814.485.186	-	217.814.485.186
Số cuối năm	217.814.485.186	1.476.044.000	219.290.529.186

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	448.600.000	448.600.000
Chờ thanh lý	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	260.105.457	260.105.457
Số cuối năm	-	1.257.032.453	1.257.032.453

Giá trị còn lại

Số đầu năm	-	479.117.004	479.117.004
Số cuối năm	217.814.485.186	219.011.547	218.033.496.733

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 217.814.485.186 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>82.840.793.909</i>	<i>546.423.479.469</i>	<i>(629.111.573.378)</i>	<i>(152.700.000)</i>	-
Mua sắm tàu 16HO	54.461.423.909	270.017.060.287	(324.325.784.196)	(152.700.000)	-
Mua sắm tài sản cố định tàu TC Saturn	-	38.877.835.581	(38.877.835.581)	-	-
Mua sắm Toà nhà văn phòng 2023	-	116.961.424.753	(116.961.424.753)	-	-
Mua sắm tàu ASD 2811	28.379.370.000	120.567.158.848	(148.946.528.848)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	150.248.101.075	7.966.673.567	(149.880.262.863)	(1.636.363.636)	6.698.148.143
Dự án 52 – 58 Trần Phú	542.740.734	-	-	-	542.740.734
Dự án Khách sạn Hà Nội Golden Nha Trang	143.549.952.932	5.826.254.260	(147.739.843.556)	(1.636.363.636)	-
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	3.141.771.045	2.140.419.307	(2.140.419.307)	-	3.141.771.045
Sửa chữa lớn tài sản cố định (sửa chữa khách sạn Navy Nha Trang)	11.394.205.990	5.397.786.672	(16.791.992.662)	-	-
Cộng	244.483.100.974	559.787.939.708	(795.783.828.903)	(1.789.063.636)	6.698.148.143

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong năm không thực hiện thêm sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

14. Lợi thế thương mại

Tập đoàn chỉ phát sinh lợi thế thương mại đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Anh, chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.518.924.575	-
Phát sinh trong năm	-	2.518.924.575
Phân bổ vào chi phí trong năm	(251.892.458)	-
Số cuối năm	<u>2.267.032.117</u>	<u>2.518.924.575</u>

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>23.927.239.190</i>	<i>22.861.585.729</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.317.993.310	1.177.994.795
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	6.171.791.075	5.507.927.516
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.560.300.000	8.035.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng.	685.265.021	539.003.535
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	2.143.682.556	3.740.204.100
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	621.102.610	787.255.663
Công ty TNHH Một thành viên 128	3.206.486.000	1.442.060.510
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	4.220.618.618	1.631.939.610
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>209.494.873.234</i>	<i>196.163.309.631</i>
Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn	-	11.473.000.000
Công ty TNHH Cơ giới Mỹ Dung	-	13.077.074.582
Aussie Offshore Services Limited	7.835.445.889	28.211.714.244
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	25.619.104.855	32.389.903.015
Công ty Cổ phần Hàng hải và Năng lượng Hải Mã	33.212.249.195	894.156.395
Các nhà cung cấp khác	142.828.073.295	110.117.461.395
Cộng	<u>233.422.112.424</u>	<u>219.024.895.360</u>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quân chủng Hải quân	433.180.505.185	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng biển	10.614.263.454	6.002.882.875
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	8.923.233.200
Các khách hàng khác	657.204.433	140.806.529
Cộng	<u>453.375.206.272</u>	<u>15.066.922.604</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.162.519.249	4.474.810	78.981.739.475	(78.572.081.881)	2.571.872.544	4.170.511
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.955.392.000	-	23.745.718.677	(27.701.110.677)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	2.354.400.000	-	3.307.392.881	(5.661.792.881)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.063.629.610	1.260.271.807	39.977.534.863	(15.793.083.091)	36.987.809.575	-
Thuế thu nhập cá nhân	895.419.491	11.966.567	10.529.078.585	(9.727.022.748)	1.696.462.023	10.953.262
Thuế tài nguyên	-	-	91.139.000	(91.139.000)	-	-
Thuế nhà đất	131.835.502	-	532.959.779	(489.526.660)	175.268.621	-
Tiền thuế đất	43.200.000	-	-	-	43.200.000	-
Các loại thuế khác	-	-	57.500.000	(59.500.000)	-	2.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	38.213.564	-	1.693.372.977	(1.666.903.494)	64.683.047	-
Cộng	23.644.609.416	1.276.713.184	158.916.436.237	(139.762.160.432)	41.539.295.810	17.123.773

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế 0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ 5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại 8 - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Các Công ty con trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	14.273.738.740	9.186.375.455
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	8.940.632.000	8.964.927.455
Tiền thuê đất		
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa - Phi câu cảng	5.333.106.740	221.448.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	51.413.314.485	34.540.956.189
Lãi vay phải trả	22.612.156.511	17.067.899.425
Chi phí thuê tàu phải trả	11.020.370.124	567.765.000
Chi phí nhiên liệu phải trả	5.172.364.042	1.761.763.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.059.381.332	12.952.574.989
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.549.042.476	2.190.953.226
Cộng	65.687.053.225	43.727.331.644

19. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện của khoản Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn thuê cầu Q20, Q21, Q22, Q26, Q27, cầu RTG6+1 năm 2024 và năm 2025, số tiền thuê tương ứng là 99.361.222.597 VND/năm

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	53.247.265.202	25.753.573.252
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	53.191.356.393	25.178.802.990
- Cổ tức phải trả	52.018.310.000	24.118.312.500
- Phải trả thanh toán thừa	965.826.067	965.826.067
- Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả	207.220.326	94.664.423
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	55.908.809	574.770.262
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	14.955.496.288	29.590.139.306
Tài sản thừa chờ giải quyết	33.475.000	33.475.000
Kinh phí công đoàn	981.142.660	529.947.174
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	94.534.789	148.264.798
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	1.750.718.000	1.767.518.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.230.808.300	2.230.808.300
Các khoản chi hộ phải trả	2.245.408.513	1.718.559.673
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng biển	-	6.500.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.619.409.026	16.661.566.361
Cộng	68.202.761.490	55.343.712.558

(i) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/TCOTS-VNTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart (VNTM) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con) để thực hiện dự án quản lý, khai thác nhà khách Ngoại vụ kết hợp An điều dưỡng Vùng 3 Hải Quân tại Đà Nẵng. Theo Biên bản thanh lý thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 31/12/2019, Công ty con mua lại phần vốn góp của

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VNTM bằng số tiền VNTM đã thực góp. Thời hạn thanh toán lần 01 số tiền 1.162.570.000 VND trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, phần còn lại sẽ được thanh toán bằng hình thức khấu trừ dần trên doanh thu VNTM sử dụng tại khách sạn Navy Đà Nẵng và Bãi Cát Vàng (nếu có). Trong trường hợp Công ty con không còn quyền khai thác khách sạn Navy Đà Nẵng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho VNTM một lần.

20b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	227.330.702.563	161.548.997.565
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	44.418.213.215	54.701.083.929
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	66.322.421.286	51.909.365.164
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	32.799.295.893	33.523.110.546
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Đa	12.192.056.050	21.415.437.926
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	45.722.683.166	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	25.876.032.953	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	173.555.032.459	134.353.611.054
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú	3.909.594.800	16.909.994.800
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	14.284.257.680	8.905.400.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	62.514.881.748	51.514.881.748
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	63.220.144.567	47.715.673.568
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	6.170.412.820	1.288.911.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đô Thành	16.773.597.988	2.857.142.856
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	6.682.142.856	5.161.607.082
Vay ngắn hạn cá nhân khác	700.000.000	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	337.372.404	337.372.404
Cộng	401.923.107.426	296.239.981.023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Hợp đồng cấp tín dụng số 0067/2375/N-CTD ngày 03/07/2023	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 100.000.000.000 VND	12 tháng	5,4%- 6,5%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB / Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Thẻ chấp 01 cầu bờ trực hiệu Kocks 73013/ Các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê thiết bị với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng 161969.23.151.1131175.TD ngày 12/10/2023	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.0000	12 tháng	5,5%	02 cầu Container KOCKS (số hiệu Q20 và Q21) và 01 Tàu TC Royal
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng ngày 01/2023/12827294/HĐTĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,5% đến 5,8%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa				
Hợp đồng cấp tín dụng số 97/2023/HĐBĐ/NHCT126 ngày 25/8/2023	Bổ sung VLD phục vụ cho các hoạt động đầu tư TSCĐ. Hạn mức 40 tỷ VND	5 tháng	5,5%- 6%/năm	Thẻ chấp tàu Tân Cảng 86
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2				
Hợp đồng tín dụng số 162021.23.103.17529583.TD ngày 29/9/2023	Phát hành bảo lãnh thanh toán, LC, giải ngân để thực hiện công trình. Hạn mức 200 tỷ VND	6 tháng	6,8%/năm	Hàng hóa, quyền đòi nợ, tài sản hình thành từ hợp đồng thi công xây dựng công trình
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00009408.05125/2023/HĐTĐ ngày 15/8/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh/phát hành bảo lãnh/LC doanh nghiệp	6 tháng	8,8%- 10%/năm	Tàu hút xén thoi (Dredger) TCDG CSD02

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng	161.548.997.565	553.214.188.619	-	(487.432.483.621)	227.330.702.563
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	700.000.000	-	-	700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	134.353.611.054	-	185.121.176.118	(145.919.754.713)	173.555.032.459
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	337.372.404	-	337.372.404	(337.372.404)	337.372.404
Cộng	296.239.981.023	558.914.188.619	185.458.548.522	(638.689.610.738)	401.923.107.426

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn các cá nhân là bên liên quan</i>	<i>36.000.000.000</i>	<i>81.000.000.000</i>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>664.656.140.948</i>	<i>517.128.600.971</i>
Ngân hàng TMCP Quân Đội	5.864.439.902	18.609.057.202
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	33.528.816.299	120.158.933.740
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	221.390.054.492	114.509.502.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	202.885.480.900	158.169.857.467
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	81.856.250.002	88.538.392.918
Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Đô Thành	70.947.092.167	17.142.857.144
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	48.184.007.186	-
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác</i>	<i>192.800.000.000</i>	<i>113.800.000.000</i>
<i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>663.783.809</i>	<i>1.001.156.213</i>
Cộng	<u>894.119.924.757</u>	<u>712.929.757.184</u>

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	664.656.140.948	517.128.600.971
Vay dài hạn các cá nhân Công ty mẹ ⁽ⁱⁱ⁾	149.800.000.000	164.800.000.000
Vay dài hạn các cá nhân Công ty con	79.000.000.000	30.000.000.000
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱ⁾	663.783.809	1.001.156.213
Cộng	<u>894.119.924.757</u>	<u>712.929.757.184</u>

⁽ⁱ⁾ Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng ngày 28/11/2017	Đầu tư tàu Olympic Progress/ Hạn mức vay tương đương 1.400.000 USD	05 năm	8,1% đến 9,6%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2019	Đầu tư tàu Armada Tuah 304/ Hạn mức vay tương đương 3.200.000 USD	05 năm	8,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2016 và 2020	Đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần; thanh toán tiền mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bến; đầu tư 1 tàu đa năng Pacific Vigour, số hiệu IMO 9443530	05 năm đến 10 năm	7% đến 9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 08/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 7 năm 2021	Tài trợ khoản vay vốn đầu tư trung hạn không tuần hoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	54 tháng	7,0%/năm	Tàu TC Vigour, số hiệu IMO 9443530
Hợp đồng ngày 22/04/2022	Thanh toán mua tàu lai ASD 2813	84 tháng	7,3%/năm	Thế chấp tàu Tân Cảng 99

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng ngày 04/7/2023	Đầu tư tòa nhà văn phòng 52 Trương Văn Bang Hạn mức vay: 77.000.000.000VND	07 năm	7,45% đến 9,2%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu				
Hợp đồng số ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 20/9/2023	Đầu tư mua tàu TC Saturn	05 năm	8,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa				
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu Mitsui	106 tháng	7,5 – 8,3%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 15/6/2022	Đầu tư 01 tàu TC Venus	60 tháng	7,9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 25/8/2022	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Tài trợ đầu tư tàu lai dắt ASD 2811 phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	84 tháng	8%/năm	Thế chấp tàu Tân Cảng 66
Hợp đồng ngày 25/8/2023	Bổ sung VLD phục vụ cho các hoạt động đầu tư TSCĐ. Hạn mức 40 tỷ VND	5 tháng	5,5%- 6%/năm	Thế chấp tàu Tân Cảng 86
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa				
Hợp đồng số 4700-LAV-202200173 ngày 31/3/2022	Thanh toán chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất (Khách sạn Hanoi Golden Hotel)	180 tháng		Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành				
Hợp đồng cho vay số 3012/2022/HĐCV ngày 30/12/2022	Thanh toán các chi phí đầu tư mua mới Tàu hút xén thoi (Dredger) TCDG CSD02	84 tháng	11,54%/năm	Tàu hút xén thoi (Dredger) TCDG CSD02
Hợp đồng cho vay số 2811/2023/HĐCV ngày 28/11/2023	Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	13,54%/năm	06 xe đào bánh xích cần dài
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2				
- Hợp đồng cho vay số 21871.22.103.17529583.TD ngày 19/5/2022	Thanh toán mua sà lan và cần trục bánh xích	60 tháng	11,9%/năm	Sà lan TCDG01
- Hợp đồng cho vay số 22012.22.103.17529583.TD ngày 17/05/2022	Thanh toán mua xe ô tô Toyota Fortuner	60 tháng	11,9%/năm	Thế chấp xe ô tô Fortuner BKS 51K-302.93
Hợp đồng tín dụng số 147024.23.103.17529583.TD ngày 06/7/2023	Đầu tư Tài sản cố định thanh toán tiền mua tàu kéo Tolak 11 và tàu nạo vét một gầu Bestla	90 tháng	11,01%- 11,7%/năm	Tàu Tolak 11 và tàu Bestla
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Hợp đồng số 85.19.01/CTTC ngày 20/2/2019	02 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL	72 tháng	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng 97.22.04/CTTC ngày 29/11/2022	01 xe ô tô Toyota Fortuner 2.7G 4x2 AT	60 tháng	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV, đầu tư vào dự án Cầu Kocks và đầu tư mua tàu TC Fortune (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm, 8 năm và 10 năm). Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư tàu TC 89, đầu tư tàu TC Fortune và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	118.000.000.000	133.000.000.000
Bên liên quan	35.000.000.000	50.000.000.000
Các cá nhân khác	83.000.000.000	83.000.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000
Cộng	149.800.000.000	164.800.000.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn bên liên quan	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	838.211.173.407	173.555.032.459	539.638.365.565	125.017.775.383
Vay dài hạn tổ chức và các cá nhân khác	192.800.000.000	-	192.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	1.001.156.213	337.372.404	663.783.809	-
Cộng	1.068.012.329.620	173.892.404.863	769.102.149.374	125.017.775.383
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	81.000.000.000	-	81.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	561.059.128.770	103.136.456.070	352.741.382.878	105.181.289.822
Vay dài hạn tổ chức và các cá nhân khác	96.100.000.000	-	96.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính	1.513.013.928	511.857.715	1.001.156.213	-
Cộng	739.672.142.698	103.648.313.785	530.842.539.091	105.181.289.822

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn các bên liên quan	81.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	66.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	517.128.600.971	343.596.882.710	(185.121.176.118)	(10.948.166.615)	664.656.140.948
Vay dài hạn các cá nhân	113.800.000.000	49.000.000.000	-	-	162.800.000.000
Nợ thuê tài chính	1.001.156.213	-	(337.372.404)	-	663.783.809
Cộng	712.929.757.184	392.596.882.710	(185.458.548.522)	(25.948.166.615)	894.119.924.757

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.684.997.624	9.324.250.096	(8.329.330.497)	2.679.917.223
Quỹ phúc lợi	9.931.569.486	8.222.252.854	(10.744.316.859)	7.409.505.481
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.949.075.329	2.912.779.268	(4.267.490.000)	594.364.597
Cộng	13.565.642.439	20.459.282.218	(23.341.137.356)	10.683.787.301

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	267.981.250.000	247.676.124.253	229.694.825.815	27.009.146.352	186.351.137.092	958.712.483.512
Phát hành cổ phần tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	42.017.610.000	(42.017.610.000)	-	-	-	-
Góp vốn thành lập Công ty con	-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	135.628.967.335	-	26.161.630.644	161.790.597.979
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	40.486.129.937	(45.209.511.763)	-	-	(4.723.381.826)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(66.995.312.500)	-	(22.880.640.000)	(89.875.952.500)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	-	(14.063.896.342)	-	-	(14.063.896.342)
Trích lập các quỹ năm nay tại Công ty con	-	3.236.694.747	(5.852.919.297)	293.433.599	(2.274.511.102)	(4.597.302.053)
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	-	(156.600.000)	(133.400.000)	(290.000.000)
Số dư cuối năm nay	309.998.860.000	249.381.338.937	233.202.153.248	27.145.979.951	207.224.216.634	1.026.952.548.770
Năm nay						
Số dư đầu năm nay	309.998.860.000	249.381.338.937	233.202.153.248	27.145.979.951	207.224.216.634	1.026.952.548.770
Cổ đông KKS góp vốn	-	-	-	-	14.348.769.091	14.348.769.091
Lợi nhuận trong năm	-	-	163.080.651.133	-	37.591.543.529	200.672.194.662
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	42.191.689.025	(45.004.468.293)	-	-	(2.812.779.268)
Trích kinh phí hoạt động của Ban điều hành Công ty mẹ	-	-	(2.109.584.451)	-	-	(2.109.584.451)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(77.499.715.000)	-	-	(77.499.715.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	-	(15.029.429.136)	-	-	(15.029.429.136)
Trích lập các quỹ năm nay tại Công ty con	-	2.165.067.157	(3.998.218.411)	220.504.727	(1.570.457.916)	(3.183.104.443)
Sử dụng quỹ khác tại Công ty con	-	-	-	(135.000.000)	(115.000.000)	(250.000.000)
Số dư cuối năm nay	309.998.860.000	293.738.095.119	252.641.389.090	27.231.484.678	257.479.071.338	1.141.088.900.225

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	111.599.990.000	111.599.990.000
Các cổ đông khác	198.398.870.000	198.398.870.000
Cộng	309.998.860.000	309.998.860.000

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.999.886	30.999.886

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023:

Phân phối lợi nhuận năm 2022

VND

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	77.499.715.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	:	42.191.689.025
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST) (đã trích trong năm 2022)	:	7.031.948.171
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST) (đã trích trong năm 2022)	:	7.031.948.171
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	:	2.812.779.268
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1,5% LNST)	:	2.109.584.451

Tạm phân phối lợi nhuận năm 2023

• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST)	:	7.545.739.973
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST)	:	7.545.739.973

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước

VND

• Trích Quỹ đầu tư phát triển (15% LNST)	:	4.245.229.719
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	:	1.415.076.573
• Trích kinh phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	:	566.030.629
• Chia cổ tức (đã tạm trích năm 2022)	:	15.000.000.000

- Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước

VND

• Chi cổ tức, lợi nhuận (đã tạm trích năm 2022)	:	7.113.600.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	:	1.020.855.219
• Trích kinh phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (2% LNST)	:	408.342.087

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.480.362,17	2.356.462,49
Euro (EUR)	50,00	50,00
Bath Thái (THB)	500.000,00	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	969.279.547.673	908.681.904.052
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	220.312.545.673	246.677.343.755
Doanh thu bán hàng hóa	177.757.716.508	194.026.081.277
Doanh thu nạo vét cầu cảng	126.856.202.768	65.176.680.191
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	13.181.822.238	13.171.928.030
Doanh thu dịch vụ khác	73.203.869.390	62.830.529.777
Cộng	<u>1.580.591.704.250</u>	<u>1.490.564.467.082</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Phí dịch vụ cho thuê tài sản tại Cảng	125.638.703.531	232.550.373.866
Phí dịch vụ khác	7.851.443.139	9.447.647.545
Bán hàng hóa	14.149.414.889	26.803.433.902
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản cho các đơn vị:</i>		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	431.574.074	132.013.468
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	57.291.000.000	57.288.752.042
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	106.188.013.949	49.661.950.843
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	33.708.330
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	-	288.752.042
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	3.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	-	13.960.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.359.331.575	1.996.852.036
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	3.204.832.174	4.078.113.796
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	341.855.000	-
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	346.205.741	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	-	586.268.150
Giảm giá hàng bán	53.700.236	153.308.980
Cộng	<u>53.700.236</u>	<u>739.577.130</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	737.322.173.913	815.999.957.059
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	94.711.848.621	65.697.753.416
Giá vốn bán hàng hóa	145.053.938.794	153.520.442.378
Giá vốn nạo vét cầu cảng	99.323.952.501	57.952.032.113
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	7.896.131.111	7.488.878.172
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	61.634.860.092	64.287.686.870
Cộng	<u>1.145.942.905.032</u>	<u>1.164.946.750.008</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	2.144.885.042	901.208.127
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.298.230.226	10.376.672.536
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	469.177	256.953.127
Chiết khấu thanh toán	-	2.107.298
Lãi cho vay	4.245.610.955	475.178.084
Doanh thu tài chính khác	1.979.346	1.480.181
Cộng	<u>14.691.174.746</u>	<u>12.013.599.353</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	97.365.561.035	73.038.538.640
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.121.710.341	3.603.683.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	822.574.690	-
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.746.151.691	-
Chi phí tài chính khác	178.772.354	2.658.594.385
Cộng	<u>102.234.770.111</u>	<u>79.300.816.662</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.734.067.052	9.964.104.809
Chi phí vật liệu, bao bì	69.495.803	86.600.889
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	648.626.511	787.123.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.500.000	13.782.795
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	16.866.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.039.122.045	11.374.061.359
Chi phí bằng tiền khác	1.702.935.838	2.228.477.969
Cộng	<u>16.201.747.249</u>	<u>24.471.018.073</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	56.355.665.319	49.136.795.645
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.668.709.937	946.484.025
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.108.876.400	2.829.575.463
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.870.832.647	1.175.189.540
Thuế, phí và lệ phí	463.403.356	1.653.610.059
Dự phòng phải thu khó đòi	3.945.465.846	2.676.215.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.792.328.935	23.900.373.225
Chi phí bằng tiền khác	12.053.527.224	10.435.269.539
Cộng	<u>105.258.809.664</u>	<u>92.753.512.777</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý TSCĐ	90.909.091	30.485.264.600
Thu tiền bồi thường	5.512.048.929	4.621.672.873
Xử lý vật tư thừa do kiểm kê	36.601.544	74.199.072
Thu hoàn phí bảo hiểm	277.449.266	-
Thu nhập khác	49.883.559	87.751.537
Cộng	<u>5.966.892.389</u>	<u>35.268.888.082</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	735.878.010	1.461.426.256
Bảo hiểm chậm nộp	10.572.133	9.016.365
Xử lý vật tư thiếu do kiểm kê	28.305.516	70.345.703
Chi phí khác	351.347.158	332.448.401
Cộng	<u>1.126.102.817</u>	<u>1.873.236.725</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	163.079.093.990	135.628.967.335
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, kinh phí hoạt động của Ban điều hành (*)	(23.196.894.741)	(20.800.671.384)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	139.882.199.249	114.828.295.951
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	30.999.886	30.999.886
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.512</u>	<u>3.704</u>

(*) Số trích quỹ được ước tính theo tỷ lệ trích quỹ được quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty mẹ và các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.454.305.309	256.300.723.840
Chi phí nhân công	218.815.036.894	236.184.243.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.030.111.341	200.766.280.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.158.349.253	437.496.621.946
Chi phí khác	34.487.744.207	62.604.824.015
Cộng	<u>1.193.945.547.004</u>	<u>1.193.352.694.036</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài giao dịch và số dư công nợ với Ông Nguyễn Quốc Dũng – Phó Tổng Giám đốc đã được trình bày ở thuyết minh V.5, Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ nào khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch				
Nguyễn Sơn	Thành viên				
Lê Đăng Phúc	Thành viên / Tổng Giám đốc	953.761.200	165.000.000		1.118.761.200
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	238.970.721	5.000.000		243.970.721
Vũ Hải Yến	Thành viên				-
Phạm Đức Duy	Thành viên	326.732.160	73.000.000		399.732.160
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	612.847.356	96.269.841		709.117.197
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	612.847.356	97.000.000		709.847.356
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/6/2023)	333.067.000	85.000.000		418.067.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	568.702.200	85.000.000		653.702.200
Cộng		3.646.927.993	606.269.841		4.253.197.834

Năm trước**Hội đồng quản trị**

Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch (từ ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (đến ngày 28/04/2022)	-	-	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	90.000.000	90.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên / Tổng Giám đốc	1.015.680.600	217.580.100	54.000.000	1.287.260.700
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	456.647.838	97.085.473	-	553.733.311
Vũ Hải Yến	Thành viên (từ ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Thành viên (từ ngày 28/04/2022)	210.706.260	44.090.460	-	254.796.720
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên (đến ngày 28/04/2022)	199.750.000	39.950.000	-	239.700.000
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	615.198.678	138.422.500	-	753.621.178
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	615.198.678	138.422.500	-	753.621.178
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/8/2022)	325.181.800	50.000.000	-	375.181.800
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	525.603.348	115.392.500	-	640.995.848
Cộng		3.963.967.202	840.943.533	252.000.000	5.056.910.735

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tcots – Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch – Giải trí Saigon Today	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ	1.811.540.838	1.501.566.155
Cổ tức phải trả	27.899.997.500	21.503.160.000
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	9.993.320.203	9.760.939.099
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	1.081.997.400	499.077.347
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	11.117.693.700	7.071.906.892
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	3.458.595.965	2.412.727.243
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Petro Cam Ranh	11.160.000.000	11.160.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.15, V.18, V.19 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ ngoài khơi.
- Lĩnh vực kinh doanh: Bán hàng hóa thành phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.
- Lĩnh vực kinh doanh: Các lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	969.279.547.673	177.757.716.508	220.312.545.673	213.188.194.160	1.580.538.004.014
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	969.279.547.673	177.757.716.508	220.312.545.673	213.188.194.160	1.580.538.004.014
Giá vốn hàng bán	(737.322.173.913)	(145.053.938.794)	(94.711.848.621)	(168.854.943.704)	(1.145.942.905.032)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	231.957.373.760	32.703.777.714	125.600.697.052	44.333.250.456	434.595.098.982
Chi phí bán hàng					(16.201.747.249)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(105.258.809.664)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					313.134.542.069
Doanh thu hoạt động tài chính					14.691.174.746
Chi phí tài chính					(102.234.770.111)
Lãi lỗ công ty liên kết					10.216.889.249
Thu nhập khác					5.966.892.389
Chi phí khác					(1.126.102.817)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(39.976.430.863)
Lợi nhuận sau thuế					200.672.194.662

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
thu nhập doanh nghiệp					
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	908.681.904.052	194.026.081.277	246.677.343.755	140.439.560.868	1.489.824.889.952
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	908.681.904.052	194.026.081.277	246.677.343.755	140.439.560.868	1.489.824.889.952
Giá vốn hàng bán	(815.999.957.059)	(153.520.442.378)	(65.697.753.416)	(129.728.597.155)	(1.164.946.750.008)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	92.681.946.993	40.505.638.899	180.979.590.339	10.710.963.713	324.878.139.944
Chi phí bán hàng					(24.471.018.073)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(92.753.512.777)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					207.653.609.094
Doanh thu hoạt động tài chính					12.013.599.353
Chi phí tài chính					(79.300.816.662)
Lãi lỗ công ty liên kết					6.710.162.495
Thu nhập khác					35.268.888.082
Chi phí khác					(1.873.236.725)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(18.681.607.658)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					161.790.597.979

-002-
NH
Y
TƯ VẤN
TÀI CHÍNH
HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Bán hàng hóa thành phẩm	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.831.885.083.709	395.893.638.788	190.562.375.642	950.503.369.296	3.368.844.467.435
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					163.465.467.699
Tổng tài sản					3.532.309.935.134
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.473.678.145.503	427.118.427.662	151.463.339.334	209.849.531.594	2.262.109.444.093
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					162.797.929.636
Tổng tài sản					2.424.907.373.729
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.259.285.603.009	191.638.058.191	95.305.653.461	792.768.637.137	2.338.997.951.798
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					52.223.083.111
Tổng nợ phải trả					2.391.221.034.909
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	675.914.920.242	241.713.051.629	344.768.643.568	98.347.957.665	1.360.744.573.104
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					37.210.251.855
Tổng nợ phải trả					1.397.954.824.959

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc

Lê Đăng Phúc